

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUẢNG TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2019/DS-ST

Ngày: 11-10-2019

“*V/v tranh chấp Hợp  
đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Ngọc Thực

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Xuân Hòa

2. Bà Đậu Thị Phú

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST-DS ngày 03/5/2019 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-DS, ngày 30/8/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng C; địa chỉ: tòa nhà CC5, khu B, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Tổng Giám đốc Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng P - Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Theo văn bản ủy quyền số 1792/QĐ-NHCS ngày 09/6/2015).

Người được ủy quyền lại: Bà Trần Thị Thu N - Phó Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Theo văn bản ủy quyền số

269/NHCS-UQ ngày 04/6/2019); địa chỉ: xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Mai Thị T; địa chỉ: thôn T, xã C, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ngày 28/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:* Vào ngày 27/10/2015, giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với bà Mai Thị T đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 6600000705900291, qua đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền 12.000.000 đồng, chương trình cho vay NS&VSMTNT, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, số tiền trả nợ 1.340.000 đồng/lần, kỳ cuối cùng 1.280.000 đồng, hạn trả cuối cùng vào ngày 10/10/2020 và tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Cùng ngày, Ngân hàng đã giải ngân cho bà T nhận số tiền 12.000.000 đồng.

Sau khi ký kết và thực hiện Hợp đồng bà T chỉ mới thanh toán được khoản tiền lãi là 1.437.000 đồng, đã không thực hiện nghĩa vụ như đã cam kết. Phía Ngân hàng đã thông báo, làm việc nhiều lần yêu cầu bà T phải trả khoản nợ bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi phát sinh nhưng bà T vẫn không thực hiện, không trả nợ.

Để thu hồi vốn cho Nhà nước, đại diện cho Ngân hàng C vẫn giữ nguyên yêu cầu và phạm vi khởi kiện của mình. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/10/2019) là 14.870.754 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 2.870.754 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong tiền nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, gửi giấy triệu tập, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần cho bà Mai Thị T nhưng bà T đều không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại nơi cư trú, kết quả cho thấy: sau khi nhận được các văn bản tố tụng từ Tòa án thì chính quyền địa phương đã xử lý công văn đến, công văn đi theo quy định, cử cán bộ văn thư liên lạc giao đầy đủ cho phía bị đơn bà Mai Thị T và bà T hiện đang làm ăn, sinh sống tại địa phương, đã nhận được đầy đủ các giấy tờ, văn bản do Tòa án tổng đạt, biết rõ việc Tòa án đang giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C đối với bà nhưng bà vẫn cố tình không chấp hành theo thông báo, triệu tập của Tòa án, cố tình trốn tránh,

vắng mặt không có lý do. Tòa án niêm yết văn bản tố tụng bảo đảm đúng quy định và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*\* Đại diện VKSND huyện Quảng Trạch phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đại diện nguyên đơn đã tuân theo pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt điều này thể hiện bà T không chấp hành pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; các Điều 90, 91, 94, 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn bà Mai Thị T phải trả nợ cho Ngân hàng C số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 14.870.754 đồng, trong đó: tiền gốc là 12.000.000 đồng, tiền lãi là 2.870.754 đồng và phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh sau ngày 11/10/2019 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ; buộc bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với bà Mai Thị T đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay với mục đích sinh hoạt, tiêu dùng, do bà Mai Thị T vi phạm nghĩa vụ hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện tại Tòa án đòi số tiền nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng ký kết. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã tổng đạt, triệu tập, niêm yết văn bản tố tụng theo quy định, bà Mai Thị T vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn bà Mai Thị T.

[2] Về nội dung tranh chấp, yêu cầu của đương sự:

Theo yêu cầu khởi kiện, lời trình bày của các đương sự và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, xác định: Ngày 27/10/2015, giữa Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Q, tỉnh Quảng Bình với bà Mai Thị T đã giao kết Hợp đồng tín dụng số 6600000705900291, qua đó Ngân hàng cho bà T vay số tiền 12.000.000 đồng, chương trình cho vay NS&VSMTNT, lãi suất 0,75%/tháng, lãi suất nợ quá hạn 130% lãi suất khi cho vay, thời hạn cho vay là 60 tháng, kỳ hạn trả nợ 06 tháng/lần, số tiền trả nợ 1.340.000 đồng/lần, kỳ cuối cùng là 1.280.000 đồng, hạn trả cuối cùng vào ngày 10/10/2020 và tiền lãi vay được trả định kỳ hàng tháng vào ngày 10. Trên cơ sở Hợp đồng ký kết, Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay cho bà T vay như thỏa thuận. Như vậy, Hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên có nội dung và hình thức phù hợp với quy định pháp luật, là hợp đồng hợp pháp nên có hiệu lực thi hành, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa các bên.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay bà Mai Thị T đã vi phạm cam kết, chỉ mới thanh toán được khoản tiền lãi là 1.437.000 đồng cho Ngân hàng, đã vi phạm nghĩa vụ của kỳ trả nợ gốc và nợ lãi hàng tháng, vi phạm thời hạn thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng đã khởi kiện tại Tòa án để thu hồi khoản tiền nợ vay theo quy định. Ngân hàng đã tính lãi với mức lãi suất, thời gian vi phạm theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng. Bảng tính lãi do Ngân hàng cung cấp đã tính đúng số ngày, mức lãi suất áp dụng trong hợp đồng tín dụng ký kết.

Đối với bà Mai Thị T, Tòa án đã tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng, triệu tập nhiều lần để bà T có mặt nhằm tạo điều kiện để các bên hòa giải, thống nhất, thỏa thuận phương án giải quyết vụ án, phương thức thanh toán khoản tiền nợ nhưng không có kết quả. Bà T đã nhận được hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án tổng đạt, biết rõ việc Ngân hàng khởi kiện và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng đã cố tình vắng mặt, cố tình không chấp hành theo triệu tập của Tòa án nhằm gây khó khăn, cản trở cho việc giải quyết vụ án. Điều này thể hiện việc bà T không thực hiện, không chấp hành mà từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình đối với khoản nợ của Ngân hàng và đối với pháp luật.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C yêu cầu bị đơn bà Mai Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ cho Ngân hàng là hoàn toàn có căn cứ được chấp nhận. Căn cứ vào các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C, buộc bà Mai Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ là 14.870.754 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 2.870.754 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/10/2019), bị đơn bà Mai Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận thì phải chịu khoản tiền

lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị đơn bà Mai Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94 và 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C về việc “tranh chấp Hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Mai Thị T.

Buộc bà Mai Thị T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng C tổng số tiền nợ là 14.870.754 đồng (mười bốn triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 12.000.000 đồng (mười hai triệu đồng), tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/10/2019) là 2.870.754 đồng (hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn bảy trăm năm mươi bốn đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (11/10/2019), bà Mai Thị T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Nếu vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận thì phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này”

2. Về án phí: Buộc bà Mai Thị T phải chịu 743.000 đồng (bảy trăm bốn mươi ba nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS h. Quảng Trạch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Võ Ngọc Thực**